

ỨNG DỤNG GIS PHÂN TÍCH KHOẢNG TRỐNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Nguyễn Hữu Duy Viễn*

Title: Application of GIS for gap analysis in tourism development at Vung Tau city, Ba Ria – Vung Tau province

Từ khóa: GIS, phân tích khoảng trống, phát triển du lịch, Vũng Tàu.

Keywords: GIS, gap analysis, tourism development, Vung Tau city

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 7/3/2017;

Ngày nhận kết quả bình duyệt: 15/5/2017;

Ngày chấp nhận đăng bài: 06/9/2017.

Tác giả:

* ThS., trường Đại học Quảng Bình
nguyenduuyvien@gmail.com

TÓM TẮT

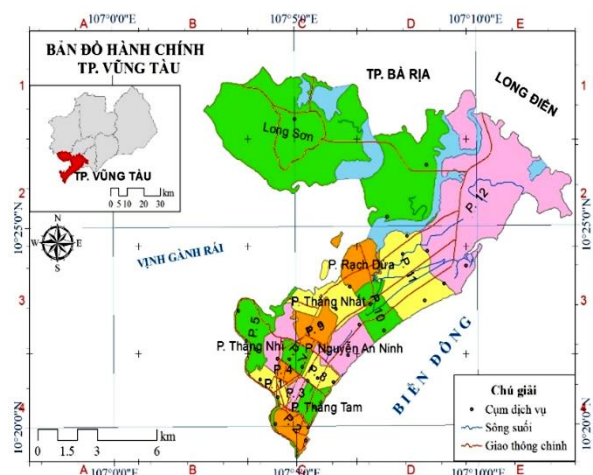
Trong phát triển du lịch, phân tích khoảng trống cho thấy khoảng cách giữa tiềm năng phát triển so với nguồn lực đầu tư hiện tại. Đây là một cơ sở quan trọng để phân bổ lại các nguồn lực dịch vụ phù hợp với tiềm năng phát triển, hướng đến sử dụng hợp lý tài nguyên và phát triển du lịch bền vững theo lãnh thổ. Thông qua việc giới thiệu về quy trình ứng dụng GIS phân tích khoảng trống trong phát triển du lịch, vận dụng quy trình vào thực tế tại thành phố Vũng Tàu, bài viết đưa ra một số đề xuất nhằm sử dụng hợp lý không gian phát triển du lịch tại địa bàn.

ABSTRACT

In tourism development, gap analysis shows the gap between development potential and current investment. This is an important basis to reallocate service resources compatible with development potential, towards utilisation of natural resources sensibly and sustainable tourism development by location. Based on the introduction of GIS application process for gap analysis in tourism development and application this process at Vung Tau city, the article suggested some solutions to use sensibly in tourism development space at this area.

1. Giới thiệu

Thành phố (TP) Vũng Tàu nằm ở phía nam tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, có diện tích 144,42km², dân số 327.000 người (2016), gồm 17 đơn vị hành chính (16 phường: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, Thắng Nhất, Thắng Nhì, Thắng Tam, Rạch Dừa, Nguyễn An Ninh, 1 xã: Long Sơn). TP. Vũng Tàu có địa hình đa dạng gồm đồng bằng, núi đá, bãi biển, đồi cát ven biển,... (Tp. Vũng Tàu, 2016). Với vị trí 3 mặt giáp biển (phía Đông và phía Nam giáp Biển Đông, phía Tây giáp Vịnh Gành Rái) và mặt còn lại giáp với các sông, rạch, khí hậu Vũng Tàu chịu ảnh hưởng sâu sắc từ biển. Vị trí Tp. Vũng Tàu được thể hiện ở Hình 1.



Hình 1. Bản đồ hành chính thành phố Vũng Tàu. Nguồn: Thể hiện từ dữ liệu GIS của Sở Tài nguyên và Môi trường Bà Rịa – Vũng Tàu

Với cảnh quan thiên nhiên đa dạng (biển, núi, đảo) kết hợp các giá trị văn hóa – tôn giáo đặc sắc và hạ tầng – dịch vụ tương đối đồng bộ, Vũng Tàu có thuận lợi cho việc phát triển nhiều loại hình du lịch như: Văn hóa – tâm linh, về nguồn, thể thao; hội nghị – hội thảo; sinh thái, dã ngoại, nghỉ dưỡng;... Thế nhưng du lịch Vũng Tàu hiện nay chủ yếu mới được biết đến là các sản phẩm gắn với biển. Để hướng đến hình thành đô thị du lịch Vũng Tàu theo quy hoạch phát triển đến 2020, địa phương này đã đề ra các chương trình hành động nhằm đa dạng hóa các sản phẩm du lịch. Tuy nhiên, để có thể khai thác hiệu quả thế mạnh tại các khu vực cụ thể thì cần phân tích khoảng trống trong phát triển du lịch, làm cơ sở cho việc phân bổ nguồn lực dịch vụ phù hợp với tiềm năng phát triển. Hệ thống thông tin địa lý (GIS) là một công cụ hỗ trợ mạnh trong việc phân tích không gian, đặc biệt là khả năng chồng lớp, phân vùng và thể hiện kết quả phân tích dưới dạng các bản đồ kết quả với tính trực quan cao nên có khả

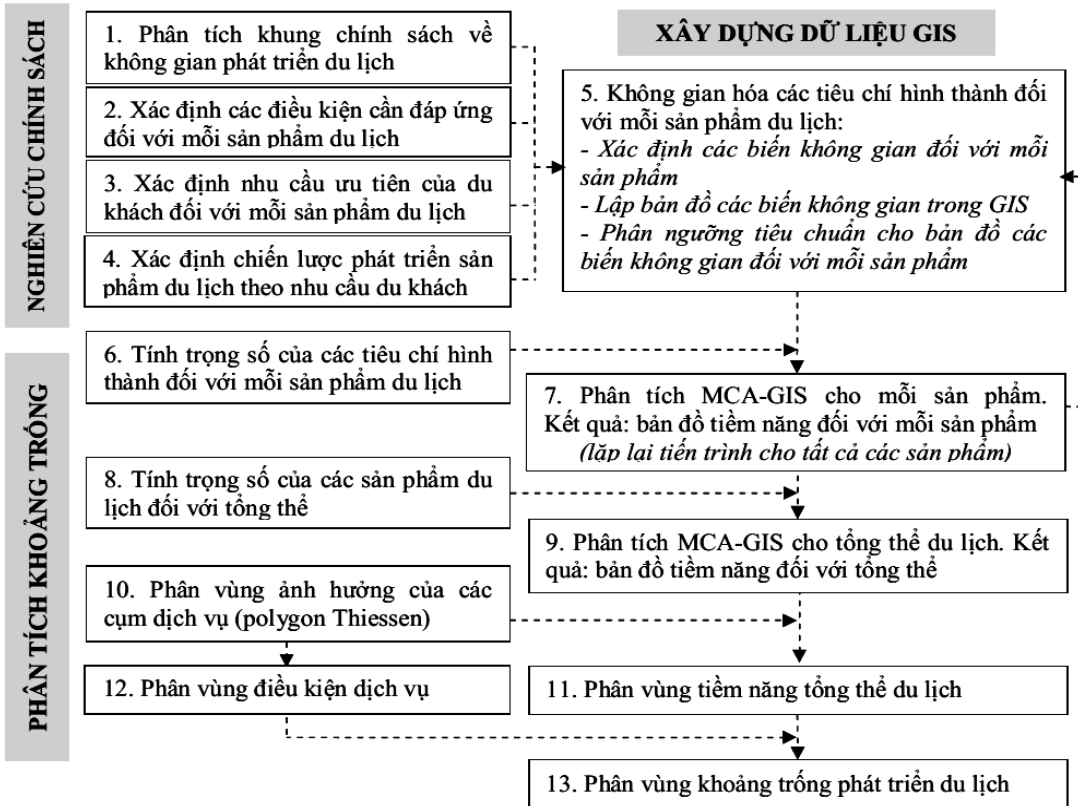
năng hỗ trợ tốt cho việc phân tích khoảng trống này. Điều này giải quyết được tình trạng chủ quan so với các phương pháp truyền thống.

Bài viết dưới đây giới thiệu về quy trình ứng dụng GIS phân tích khoảng trống trong phát triển du lịch với trường hợp nghiên cứu tại Tp. Vũng Tàu, đồng thời đưa ra một số đề xuất nhằm sử dụng hợp lý không gian, hướng đến phát triển bền vững hoạt động du lịch tại địa bàn.

2. Nội dung

2.1. Quy trình và phương pháp nghiên cứu

Dựa trên cơ sở tham khảo từ Johannes H. van der Merwe và Adriaan van Niekerk (2013), chúng tôi đã xây dựng được quy trình ứng dụng GIS phân tích khoảng trống trong phát triển du lịch bao gồm 13 bước, chia làm 3 giai đoạn (nghiên cứu chính sách, xây dựng dữ liệu GIS và phân tích khoảng trống) được thể hiện ở Hình 2.



Hình 2. Quy trình ứng dụng GIS đánh giá điều kiện phát triển du lịch

2.1.1. Nghiên cứu chính sách về sản phẩm du lịch

Việc nghiên cứu chính sách gắn với 4 nội dung chính (1 – 4), trong đó bước 1 giúp xác định được các ưu tiên cho việc phát triển các sản phẩm du lịch (*yếu tố cung*), các bước 2 – 4 cung cấp thông tin về thị hiếu, xu hướng của du khách (*yếu tố cầu*) đối với các sản phẩm du lịch và chiến lược phát triển sản phẩm du lịch đáp ứng nhu cầu du khách.

Chính sách phát triển du lịch của Vũng Tàu được tiếp cận thông qua các văn bản chính: Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; kế hoạch hành động phát triển du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; quy hoạch phát triển kinh tế dịch vụ Tp. Vũng Tàu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;... Các dữ liệu được bổ sung thông qua việc khảo sát thị trường du khách, phân tích các số liệu thống kê của các cơ quan quản lý du lịch tại Vũng Tàu và tham khảo ý kiến chuyên gia cho thấy: Ngoài sản phẩm du lịch đặc thù gắn với biển là nghỉ dưỡng biển, thể thao, giải trí, Vũng Tàu còn có ưu thế về các nhóm sản phẩm với thứ bậc ưu tiên giảm dần như sau: Du lịch văn hóa – lễ hội, tâm linh – hành hương; du lịch thương mại, hội nghị – hội thảo (MICE); du lịch thể thao (địa hình dốc) và du lịch sinh thái rừng ngập mặn,...

Việc phân tích khoảng trống dựa trên cơ sở đối chiếu giữa tiềm năng do yếu tố vị trí đặc thù mang lại và mức độ đáp ứng của cơ sở dịch vụ. Trong khi đó, nhóm sản phẩm về thương mại và hội nghị – hội thảo (MICE) chỉ phụ thuộc chủ yếu vào cơ sở dịch vụ nên việc phân tích khoảng trống là không cần thiết. Do đó, trong trường hợp này, chỉ có nhóm sản phẩm về văn hóa – tâm linh, thể thao địa hình và sinh thái được lựa chọn để phân tích khoảng trống vì các sản phẩm này phụ thuộc cả vào vị trí phân bố đặc thù lẫn cơ sở dịch vụ.

2.1.2. Xây dựng dữ liệu GIS

** Xác định các biến không gian đối với mỗi nhóm sản phẩm du lịch*

Việc đánh giá tiềm năng du lịch thường căn cứ vào một số yếu tố như: Sự hấp dẫn, liên kết, khả năng tiếp cận, bền vững, an toàn, thời vụ, sức chứa,... (Trần Văn Thông, 2003). Dựa trên cơ sở này, kết hợp với kết quả khảo sát, phân tích đặc thù về tự nhiên, kinh tế – xã hội của địa bàn và tham khảo ý kiến chuyên gia (phỏng vấn sâu một số cán bộ nghiên cứu du lịch, cán bộ quản lý chuyên trách về du lịch tại Tp. Vũng Tàu), chúng tôi đã lựa chọn lại các biến có tác động mạnh đến việc đánh giá 3 nhóm sản phẩm du lịch tại Tp. Vũng Tàu gồm:

(1) *Sự hấp dẫn*: Thường được xác định bằng sự đa dạng, đặc sắc và độc đáo của phong cảnh, địa hình, sự thích hợp của khí hậu,... Đây là biến quan trọng nhất đối với sự hình thành sản phẩm du lịch vì nó quyết định đến sức thu hút du khách.

(2) *Sự liên kết*: Được xác định qua khả năng kết nối với các điểm du lịch lân cận để hình thành nên các cụm điểm du lịch có sự phân bố gần gũi về địa lý. Điều này tạo ra sự đa dạng đối với cảm nhận du khách.

(3) *Sự tiếp cận*: Trong nghiên cứu này được xác định qua khoảng cách từ trục giao thông chính/điểm cung ứng dịch vụ đến điểm du lịch.

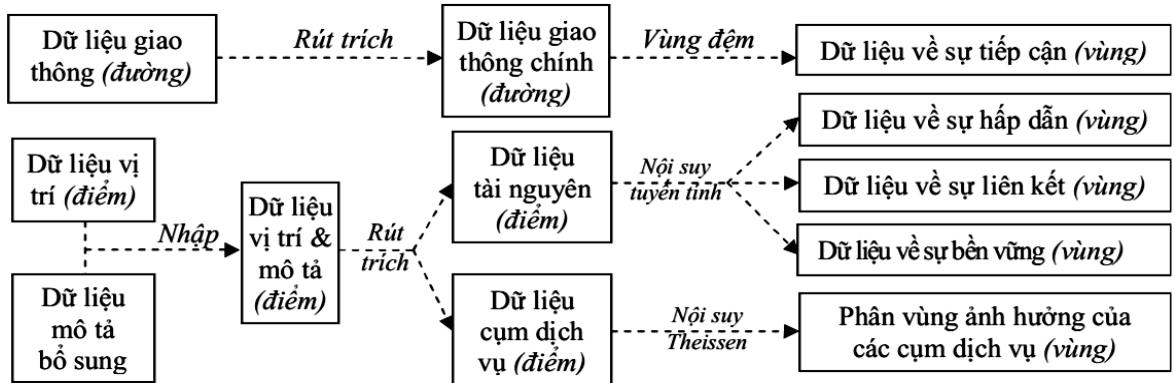
(4) *Sự bền vững*: Được xác định dựa vào 4 mục tiêu Du lịch bền vững toàn cầu (2013) áp dụng cho các điểm du lịch: Quản lý bền vững, lợi ích cộng đồng, bảo tồn văn hóa và bảo vệ thiên nhiên và môi trường (Global Sustainable Tourism Council, 2013).

** Xây dựng dữ liệu các biến không gian trong GIS*

Các dữ liệu GIS đầu vào cho việc đánh giá tiềm năng tương ứng với các biến không gian đã được xác định gồm: Sự hấp dẫn, sự liên kết, sự tiếp cận và sự bền vững. Ngoài ra còn

có dữ liệu về phân vùng ảnh hưởng của các cụm dịch vụ (*vai trò cơ sở cho việc phân vùng*). Tuy nhiên, các dữ liệu về các biến này không thể thu thập trực tiếp được mà phải gián tiếp qua các dữ liệu có liên quan, sau đó

thực hiện một số thao tác nhằm biến đổi chúng thành dữ liệu cần thiết để phân tích. Quy trình xây dựng dữ liệu các biến không gian trong GIS được thể hiện theo Hình 3.



Hình 3. Quy trình xây dựng dữ liệu GIS

- Dữ liệu về *sự hấp dẫn, sự liên kết và sự bền vững* được thành lập từ dữ liệu tọa độ (x, y) về các điểm tài nguyên du lịch (văn hóa, sinh thái và thể thao) và thuộc tính là các thống kê về xếp hạng điểm di tích, số lượng cảnh quan, giá trị độc đáo; khoảng cách so với các điểm lân cận; kết quả đánh giá bền vững,... *Nội suy tuyến tính* được sử dụng để chuyển từ dữ liệu điểm sang dạng vùng.

- Dữ liệu về *sự tiếp cận* được thành lập thông qua chức năng *tạo vùng đệm* với dữ liệu đầu vào là hệ thống giao thông chính trên địa bàn Tp. Vũng Tàu.

- Dữ liệu phân vùng ảnh hưởng của các cụm dịch vụ được thành lập thông qua chức năng *nội suy vùng Thiessen* từ dữ liệu tọa độ (x, y) của các cụm dịch vụ (lưu trú, ăn uống) trên địa bàn TP. Vũng Tàu. Vùng Thiessen được tạo thành từ tập hợp các điểm $P = \{p_1, p_2, \dots, p_n\}$, trong đó mỗi điểm tương ứng với 1 khu vực, nghĩa là n điểm sẽ xác định được n khu vực tương ứng sao cho mỗi khu vực chỉ chứa 1 điểm. Một điểm (x, y) bất kỳ nằm

trong khu vực p_i mà không thuộc về phân khu p_j (với $i \neq j$ và $1 \leq i, j \leq n$) khi và chỉ khi:

$$\sqrt{(x - x_{p_i})^2 + (y - y_{p_i})^2} < \sqrt{(x - x_{p_j})^2 + (y - y_{p_j})^2} \quad (1)$$

Trong đó: x, y: Tọa độ của điểm bất kỳ; $p_i (x_i, y_i)$, $p_j (x_j, y_j)$: Lần lượt là khu vực và tọa độ của điểm i, j. Dựa theo mối quan hệ trên, ranh giới giữa các khu vực được xác định bởi các đường trung trực của các đoạn thẳng nối giữa các điểm (D. Han và M. Bray, 2006).

** Phân ngưỡng tiêu chuẩn cho bản đồ các biến không gian*

Ngưỡng tiêu chuẩn là cơ sở để phân cấp đánh giá. Việc phân ngưỡng phụ thuộc vào mức độ chi tiết của dữ liệu và yêu cầu của bài toán phân tích. Trong nghiên cứu này, các biến không gian được phân thành 4 cấp với điểm số đánh giá tương ứng: thuận lợi (4) – khá thuận lợi (3) – tương đối thuận lợi (2) – kém thuận lợi (1). Dựa trên việc tham khảo từ Trần Văn Thông (2003), ngưỡng tiêu chuẩn đánh giá được xác định theo Bảng 1.

Bảng 1. Ngưỡng tiêu chuẩn cho các biến không gian

Mức độ	Sự hấp dẫn	Sự liên kết	Sự tiếp cận	Sự bền vững
4	Trên 5 cảnh đẹp, 3 yếu tố độc đáo	Trên 5 điểm du lịch	Cách trực dưới 500m	Lợi ích cộng đồng, tài nguyên – môi trường được tích cực cải thiện
3	3 – 5 cảnh đẹp, 2 yếu tố độc đáo	3 – 5 điểm du lịch	Cách trực 500 – 1000m	Lợi ích cộng đồng, tài nguyên – môi trường được cải thiện
2	1 – 2 cảnh đẹp, 1 yếu tố độc đáo	2 – 3 điểm du lịch	Cách trực 1000 – 2000m	Lợi ích cộng đồng, tài nguyên – môi trường được duy trì
1	Đơn điệu, kém độc đáo	Dưới 2 điểm du lịch	Cách trực trên 2000m	Tác động xấu đến cộng đồng, tài nguyên – môi trường xuống cấp

Nguồn: Tham khảo và điều chỉnh từ Trần Văn Thông (2003)

2.1.3. Phân tích không gian

* Xây dựng trọng số (phương pháp AHP)

Các biến có mức độ đóng góp khác nhau trong việc hình thành sản phẩm du lịch. Giữa các sản phẩm trong tổng thể du lịch cũng có tính ưu tiên khác nhau. Do đó, cần xác định được mức độ đóng góp/ưu tiên đó thông qua trọng số. Trong nghiên cứu này, phân tích thứ bậc (AHP - *Analytic Hierarchy Process*) được sử dụng để xác định 3 bộ trọng số (đánh giá tiềm năng của 3 sản phẩm thành phần: Văn hóa, thể thao, sinh thái) và 1 bộ trọng số (đánh giá tiềm năng tổng thể du lịch).

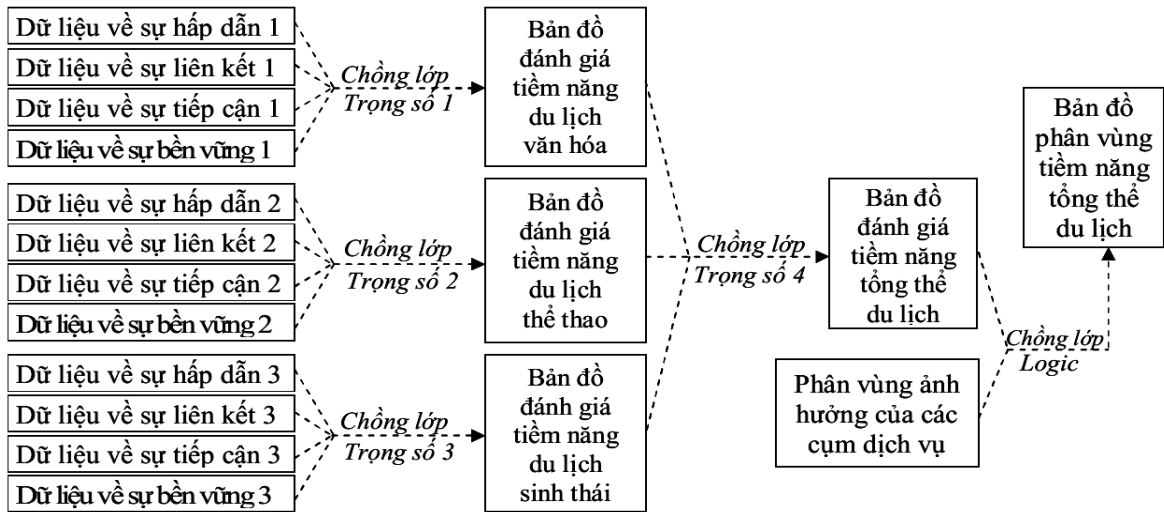
Việc xác định trọng số theo phương pháp này gồm 4 bước: (1) Xây dựng ma trận; (2) So sánh các nhân tố thông qua so sánh cặp; (3) Tổng hợp số liệu để có trị số chung của mức độ ưu tiên; và (4) Kiểm tra tính nhất quán của các so sánh cặp. Trong đó, việc so sánh cặp (bước 2) sử dụng dữ liệu từ ý kiến

đánh giá của chuyên gia quy hoạch du lịch và cán bộ quản lý du lịch tại địa phương.

Theo phương pháp AHP, trọng số của các biến không gian đối với du lịch văn hóa (bộ trọng số 1): 0,43 – hấp dẫn; 0,30 – liên kết; 0,21 – tiếp cận; 0,06 – bền vững; du lịch thể thao (bộ trọng số 2): 0,38 – hấp dẫn; 0,13 – liên kết; 0,07 – tiếp cận; 0,42 – bền vững; du lịch sinh thái (bộ trọng số 3): 0,43 – hấp dẫn; 0,10 – liên kết; 0,05 – tiếp cận; 0,42 – bền vững. Cũng theo phương pháp này, trọng số của các nhóm sản phẩm đối với tổng thể du lịch (bộ trọng số 4) tính được như sau: 0,59 – văn hoá; 0,30 – thể thao; 0,11 – sinh thái.

* Phân tích chồng lớp đa tiêu chí trong GIS (MCA-GIS)

Quy trình phân tích chồng lớp đa tiêu chí trong GIS (MCA – GIS) nhằm thành lập các bản đồ đánh giá tiềm năng (thành phần, tổng thể) và bản đồ phân vùng tiềm năng tổng thể được thể hiện qua Hình 4.



Hình 4. Quy trình phân tích chồng lớp đa tiêu chí trong GIS

Trước hết, chúng tôi thực hiện việc chồng lớp trong GIS đối với 4 lớp dữ liệu đã được xây dựng: hấp dẫn, liên kết, tiếp cận, bền vững theo các bộ trọng số 1, 2, 3 và ngưỡng đầu vào đã được xác định cho lần lượt từng nhóm sản phẩm du lịch. Việc tổng hợp được tiến hành theo công thức 2:

$$K = \sum_{j=1}^n (w_j \times x_{ij}) \quad (2)$$

Trong đó: K: Mức thuận lợi của sản phẩm du lịch; w_j : Trọng số của yếu tố j; x_{ij} : Điểm số cho cấp i của yếu tố j.

Ngưỡng đầu ra được xác định theo nguyên tắc làm tròn số: 1,00 -> 1,49: Kém thuận lợi; 1,50 -> 2,49: Tương đối thuận lợi; 2,50 -> 3,49: Khá thuận lợi; 3,50 -> 4: Thuận lợi. Kết quả có được là 3 bản đồ đánh giá tiềm năng du lịch văn hóa, du lịch thể thao và du lịch sinh thái.

Kế tiếp, 3 bản đồ đánh giá tiềm năng du lịch thành phần lại được chồng lớp với bộ trọng số 4. Kết quả có được là bản đồ đánh giá tiềm năng tổng thể du lịch. Việc tổng hợp, ngưỡng đầu vào và đầu ra được tiến hành tương tự như đối với các bản đồ đánh giá tiềm năng du lịch thành phần.

Để có bản đồ phân vùng tiềm năng tổng thể du lịch, việc chồng lớp (chồng lớp logic theo phương thức giao cắt) được thực hiện giữa bản đồ đánh giá tiềm năng tổng thể du lịch và bản đồ phân vùng ảnh hưởng của các cụm dịch vụ. Việc tổng hợp giá trị cho các khu vực được định lượng theo nguyên tắc thể hiện trong công thức 3:

$$K = \frac{K_1 S_1 + K_2 S_2 + K_3 S_3 + \dots + K_n S_n}{S} \quad (3)$$

Trong đó: K: Giá trị đáp ứng của khu vực; K_1, K_2, K_3, K_n : giá trị đáp ứng của các tiểu khu 1, 2, 3, ..., n trong khu vực (K_1, K_2, K_3, K_n : nhận giá trị từ 1 đến 4 theo mức phân cấp đánh giá); S_1, S_2, S_3, S_n : Diện tích của các tiểu khu 1, 2, 3, ..., n trong khu vực; S: Diện tích toàn bộ khu vực (Nguyễn Trọng Yểm, 2006).

Ngưỡng đầu ra của bản đồ phân vùng tiềm năng tổng thể du lịch được xác định theo nguyên tắc làm tròn số: 1,00 -> 1,49: Kém thuận lợi; 1,50 -> 2,49: Tương đối thuận lợi; 2,50 -> 3,49: Khá thuận lợi; 3,50 -> 4: Thuận lợi.

** Thành lập bản đồ phân vùng điều kiện dịch vụ du lịch*

Bản đồ phân vùng điều kiện dịch vụ du lịch được xây dựng dựa trên lớp dữ liệu phân

vùng ảnh hưởng của các cụm dịch vụ. Việc phân mức thuận lợi dựa vào quy mô và số lượng của hệ thống lưu trú và ăn uống phân bố trên địa bàn của 32 khu vực được phân vùng từ phương pháp nội suy vùng Thiessen. Kết quả thể hiện được phân thành 4 cấp với điểm số đánh giá tương ứng: Thuận lợi (4) – khá thuận lợi (3) – tương đối thuận lợi (2) – kém thuận lợi (1).

** Phân tích khoảng trống trong GIS*

Bản đồ phân tích khoảng trống trong phát triển du lịch tại Tp. Vũng Tàu được xây dựng dựa trên phương pháp chồng lớp số học giữa bản đồ phân vùng tiềm năng tổng thể du lịch và bản đồ điều kiện dịch vụ (chồng lớp phép trừ: Tiềm năng tổng thể – Điều kiện dịch vụ). Ngưỡng đầu vào dựa theo giá trị dữ liệu của các bản đồ đầu vào. Kết quả có được là bản đồ phân vùng khoảng trống với ngưỡng đầu ra chia làm 5 bậc, thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Ngưỡng phân mức khoảng trống

		Tiềm năng tổng thể du lịch			
		1	2	3	4
Điều kiện dịch vụ du lịch	(-) 1	0	1	2	3
	(-) 2	-1	0	1	2
	(-) 3	-2	-1	0	1
	(-) 4	-3	-2	-1	0

2.2. Kết quả và thảo luận

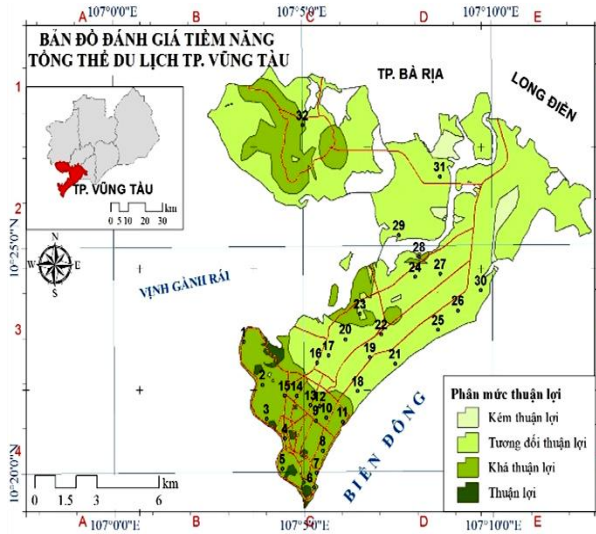
2.2.1. Bản đồ đánh giá và phân vùng tiềm năng tổng thể du lịch Tp. Vũng Tàu

Bản đồ đánh giá tiềm năng tổng thể du lịch cho thấy mức độ thuận lợi của các vị trí cụ thể đối với việc phát triển kết hợp 3 nhóm sản phẩm du lịch văn hóa, thể thao và sinh thái. Mức thuận lợi chiếm diện tích nhỏ nhất, với 1.567.948 m² (1,1%), phân bố rải rác ở trung tâm Tp. Vũng Tàu. Mức khá thuận lợi chiếm diện tích lớn thứ hai với 33.654.312 m² (24,0%), tập trung ở phần tây nam Vũng

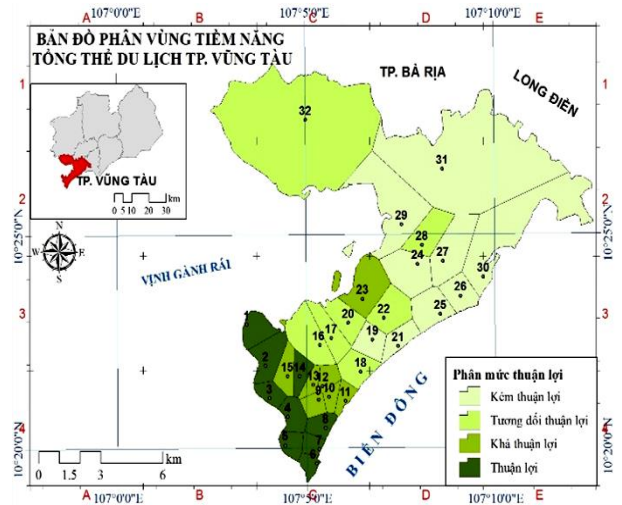
Tàu và trung tâm đảo Long Sơn. Mức tương đối thuận lợi chiếm diện tích lớn nhất với 100.868.645m² (72,1%), phân bố thành một dải liên tục trừ phần tây nam và trung tâm đảo Long Sơn. Mức kém thuận lợi chiếm diện tích 3.909.094m² (2,8%), phân bố rải rác ở phía đông bắc Tp. Vũng Tàu. Kết quả đánh giá tiềm năng tổng thể du lịch Tp. Vũng Tàu được thể hiện ở Hình 4a.

Bản đồ phân vùng tiềm năng du lịch tổng thể là kết quả của quá trình chồng lớp logic (dạng giao cắt) giữa bản đồ đánh giá tiềm năng tổng thể du lịch và bản đồ phân vùng ảnh hưởng của các cụm dịch vụ. Bản đồ này cho thấy mức độ thuận lợi được tính toán theo mức trung bình cho các khu vực cung ứng dịch vụ. Mức thuận lợi phân bố ở các khu vực 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 14. Mức khá thuận lợi phân bố ở các khu vực 9, 10, 11, 12, 13, 15. Mức tương đối thuận lợi phân bố ở các khu vực 16, 17, 18, 20, 22, 28, 32. Mức kém thuận lợi phân bố ở các khu vực 19, 21, 24, 25, 26, 27, 29, 30, 31. Kết quả phân vùng tiềm năng tổng thể du lịch Tp. Vũng Tàu được thể hiện ở Hình 4b.

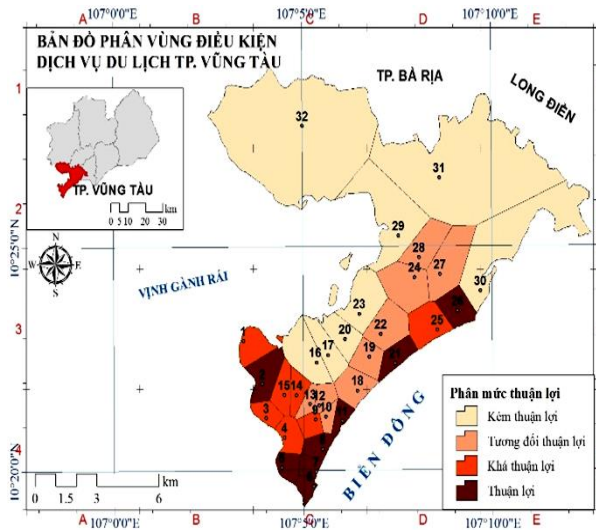
Các kết quả từ bản đồ đánh giá và phân vùng tiềm năng đã chỉ ra hai khu vực có nhiều thuận lợi về mặt tài nguyên cho việc phát triển kết hợp các sản phẩm du lịch đó là khu vực trung tâm thành phố và khu vực đảo Long Sơn. Trong đó, trung tâm thành phố là nơi có nhiều khu vực có mức độ thuận lợi về mặt tài nguyên khá tốt đối với phát triển tổng thể du lịch (trong đó thể mạnh là du lịch văn hóa và du lịch thể thao). Đây là khu vực tập trung nhiều thắng cảnh như núi Lớn, núi Nhỏ,... và các khu di tích, quần thể kiến trúc, tôn giáo, tín ngưỡng dân gian đặc sắc như: Bạch Dinh, hải đăng Vũng Tàu, Tượng chúa Kitô, Thích Ca Phật Đài,... Kể đến là khu vực đảo Long Sơn với di tích Nhà Lớn, đạo Ông Trần và cảnh quan núi Nưa, rừng ngập mặn có thể phát triển một số loại hình du lịch kết hợp: Tham quan, nghiên cứu văn hóa lịch sử và du lịch sinh thái gắn với hệ sinh thái rừng ngập mặn,...



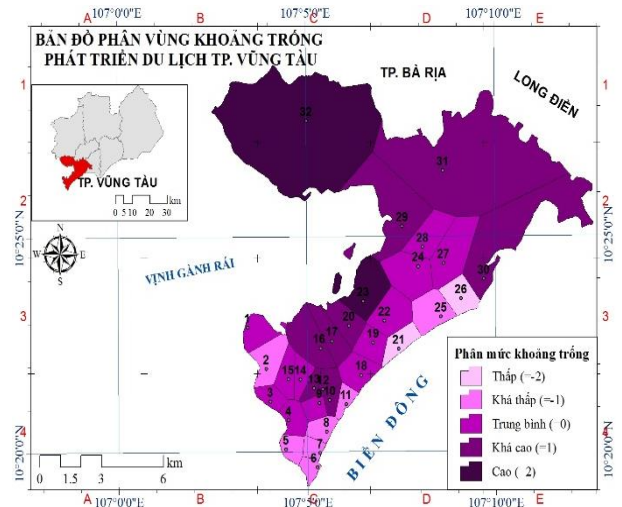
a



b



c



d

Hình 4. Một số bản đồ kết quả. Nguồn: kết quả phân tích từ dữ liệu điều tra (2016).

a. Đánh giá tiềm năng tổng thể du lịch;
c. Phân vùng điều kiện dịch vụ;

b. Phân vùng tiềm năng tổng thể du lịch;
d. Phân vùng khoảng trống phát triển du lịch

2.2.2. Bản đồ phân vùng điều kiện dịch vụ du lịch Tp. Vũng Tàu

Bản đồ phân vùng điều kiện dịch vụ du lịch được thành lập dựa trên mức độ đồng bộ và quy mô của các cụm dịch vụ (chủ yếu thể hiện qua hệ thống dịch vụ lưu trú và dịch vụ ăn uống). Bản đồ này thể hiện mức

độ thuận lợi về điều kiện dịch vụ du lịch theo các khu vực được phân chia từ phương pháp nội suy vùng Thiessen. Mức thuận lợi gồm các khu vực 2, 5, 6, 7, 8, 11, 21, 26. Mức khá thuận lợi gồm các khu vực 1, 3, 4, 9, 14, 15, 25. Mức tương đối thuận lợi gồm các khu vực: 10, 12, 13, 18, 19, 22, 24, 27, 28. Mức kém thuận lợi gồm các khu vực: 16, 17, 20,

23, 29, 30, 31, 32. Kết quả phân vùng điều kiện dịch vụ trong phát triển du lịch Tp. Vũng Tàu được thể hiện ở Hình 4c.

Kết quả cho thấy các khu vực dọc bờ biển phía đông nam và tây nam Vũng Tàu là những khu vực có điều kiện dịch vụ tốt nhất. Đây là nơi tập trung nhiều khu nghỉ mát, khách sạn, nhà hàng đạt tiêu chuẩn quốc tế. Trong khi đó, các khu vực khác nhất là khu vực đảo Long Sơn và phía đông bắc thành phố, điều kiện dịch vụ còn khá nghèo nàn và kém phát triển.

2.2.3. Bản đồ phân vùng khoảng trống phát triển du lịch Tp. Vũng Tàu

Bản đồ phân vùng khoảng trống trong phát triển du lịch Tp. Vũng Tàu được thể hiện theo 5 mức khoảng trống: Mức cao (= 2) bao gồm các khu vực 23 và 32, là các khu vực có tiềm năng lớn nhưng cơ sở dịch vụ còn nhiều hạn chế. Mức khá cao (= 1) gồm các khu vực 10, 12, 13, 16, 17, 20, 29, 30, 31. Mức trung bình (= 0) gồm các khu vực 1, 3, 4, 9, 14, 15, 18, 19, 2, 24, 27, 28. Mức khá thấp (= -1) gồm các khu vực 2, 5, 6, 7, 8, 11, 25. Mức thấp (= -2) gồm các khu vực 21 và 26, là các khu vực có điều kiện cơ sở dịch vụ phát triển song tiềm năng phát triển còn thấp. Trong đó, các mức mang giá trị (+) thể hiện yếu tố tiềm năng lớn hơn so với điều kiện dịch vụ. Mức 0 cho thấy tiềm năng và điều kiện dịch vụ tương đối phù hợp với nhau. Các mức mang giá trị (-) cho thấy tiềm năng kém hơn so với điều kiện dịch vụ. Kết quả phân vùng khoảng trống trong phát triển du lịch Tp. Vũng Tàu được thể hiện theo Hình 4d.

2.2.4. Một vài nhận xét

- Xu hướng phân bố không gian của tiềm năng và điều kiện dịch vụ: Kết quả từ các bản đồ đánh giá tiềm năng, phân vùng tiềm

năng và phân vùng điều kiện dịch vụ trong phát triển du lịch TP. Vũng Tàu cho thấy các mức thuận lợi và khá thuận lợi chiếm diện tích nhỏ và có xu hướng tập trung chủ yếu tại khu vực trung tâm TP và một phần tại đảo Long Sơn. Trong khi đó các mức tương đối và mức kém thuận lợi có quy mô diện tích chiếm chủ yếu và phân bố trên một diện rộng ở khu vực đông bắc TP. Vũng Tàu.

- Khoảng trống trong phát triển du lịch: Kết quả bản đồ phân vùng khoảng trống với các mức giá trị biến thiên từ -2 đến 2 (không có các mức tối thiểu và tối đa theo lý thuyết: -3, 3), diện tích chủ yếu dao động quanh mức 0, trong khi đó các mức - 2 hoặc 2 chiếm số lượng nhỏ. Điều này cho thấy việc đầu tư cho cơ sở dịch vụ trong thời gian qua nhìn chung đã đáp ứng khá tốt so với tiềm năng phát triển của Tp. Vũng Tàu. Tuy nhiên, một số khu vực đáng chú ý là khu vực 32 (đảo Long Sơn), khu vực 23 được đánh giá có tiềm năng khá thuận lợi trong việc phát triển một số sản phẩm du lịch kết hợp giữa sinh thái, thể thao với văn hóa, nhưng điều kiện dịch vụ lại mới đạt ở mức kém thuận lợi. Khu vực này chỉ mới tồn tại một điểm dịch vụ chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của địa phương, lại phân bố khá xa so với các điểm du lịch nên chưa đáp ứng được nhu cầu của việc phát triển kết hợp các sản phẩm du lịch. Vì vậy cần phải hoàn thiện hệ thống cơ sở dịch vụ (chủ yếu là về ăn uống, lưu trú và vận chuyển) đối với những khu vực này. Ngược lại, đối với những khu vực có điều kiện dịch vụ phát triển nhưng tiềm năng còn hạn chế (21, 26) thì cần tập trung khai thác theo hướng phát triển các sản phẩm ít phụ thuộc vào yếu tố tài nguyên như: Hội nghị – hội thảo (MICE), sân golf, bóng đá,...) hoặc chuyển hướng đầu tư sang các lĩnh vực kinh tế khác.

3. Kết luận

Với thế mạnh về phân tích không gian, GIS có khả năng đáp ứng tốt cho việc phân tích khoảng trống trong phát triển du lịch. Khả năng tích hợp trọng số được tính toán từ phương pháp AHP và kết quả thể hiện dưới dạng các bản đồ đảm bảo được tính chính xác và trực quan cao.

Kết quả nghiên cứu tại Tp. Vũng Tàu cho thấy xu hướng phân bố của các yếu tố nguồn lực về tài nguyên và cơ sở dịch vụ đáp ứng cho việc phát triển tổng hợp nhiều

loại hình du lịch tập trung chủ yếu tại khu vực trung tâm Tp. Vũng Tàu. Trong khi đó, các khu vực khác thì điều kiện nguồn lực về tài nguyên lẫn dịch vụ còn thiếu đồng bộ, chủ yếu phù hợp cho việc phát triển một hoặc vài loại hình du lịch đơn lẻ. Kết quả cũng chỉ ra một số khu vực cần quan tâm trong việc điều chỉnh mức độ phân bố đầu tư đối với các cơ sở dịch vụ. Đây là cơ sở để sử dụng hợp lý các nguồn lực địa phương hướng đến phát triển du lịch bền vững cho Tp. Vũng Tàu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Văn Chính. (2016). Ứng dụng GIS trong việc phát triển không gian du lịch tại thành phố Vũng Tàu. *Luận văn Thạc sĩ, Địa lý học*. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Tp. Hồ Chí Minh.
2. D. Han and M. Bray. (2006). Automated Thiessen polygon generation. *Water Resources Research*, Vol. 42, 1-10.
3. Global Sustainable Tourism Council. (2013). *Global Sustainable Tourism Council Criteria and Suggested Performance Indicators for Destinations*. Truy cập ngày 09/9/2016, từ <http://www.gstcouncil.org/images/Dest-CRITERIA_and_INDICATORS_6-9-14.pdf>.
4. Johannes H. van der Merwe and Adriaan van Niekerk. (2013). Application of geospatial technology for gap analysis in tourism planning for the Western Cape, *South Africa Journal Science*, Vol. 109, 1-10.
5. Thomas L. Saaty. (1977). A scaling method for priorities in hierarchial structures. *Journal of Mathematical Psychology*, Vol 15, 234-281.
6. Trần Văn Thông. (2003). Quy hoạch du lịch – Những vấn đề lý luận và thực tiễn. *Tài liệu lưu hành nội bộ Khoa Du lịch – Trường Đại học Dân lập Văn Lang*, Tp. Hồ Chí Minh.
7. Ủy ban nhân dân Thành phố Vũng Tàu. (2016). *Giới thiệu thành phố Vũng Tàu*. Truy cập ngày 02/06/2016, từ <<http://vungtau.baria-vungtau.gov.vn/web/guest/thanh-pho-vung-tau/-/brvt/extAssetPublisher/content/3450479/gioi-thieu-thanh-pho-vung-tau-1>>.
8. Nguyễn Trọng Yểm. (2006). *Nghiên cứu xây dựng bản đồ phân vùng tại biển môi trường tự nhiên lãnh thổ Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu Khoa học cấp Nhà nước, Hà Nội.